

Số: 1577/2017/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 482/2017/TLST-HNGĐ ngày 27/10/2017, giữa:

Ông Hong Won P, sinh năm 1970; nơi cư trú: 227 S, K, C city, Chungnam-do, Korea.

Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1980; nơi cư trú: 76/58 đường 59, Phường A, quận B Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông Hong Won P, sinh năm 1970; nơi cư trú: 227 S, K, C city, Chungnam-do, Korea.

Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1980; nơi cư trú: 76/58 đường 59, Phường A, quận B Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a) Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Hong Won P thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 160 quyển số 02 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre cấp ngày 23/7/2003 không còn giá trị pháp lý.

b) Về con chung: không có.

c) Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d) Lệ phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Tuyết M tự nguyện chịu lệ phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0047910 ngày 11/10/2017 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; bà Minh đã nộp đủ lệ phí.

e) Các quyền và nghĩa vụ của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THADS TP. HCM;
- Các đương sự;
- UBND tỉnh Bến Tre (để ghi chú sổ hộ tịch);
- Lưu: VT, HS (T/18).

THẨM PHÁN

Châu Thị Diệp